TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PH** **TỈNH HẬU GIANG** Bản án số:02/2025/HNGĐ-ST Ngày: 02 - .01 - 2025 V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến;
2. Ông Nguyễn Văn Dương.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 646/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2024/QĐXXST-HN, ngày 15 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Chúc L**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp B, xã Bình Thành, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Nguyễn Thị Chúc L (Sau đây gọi chị L) trình bày:

Giữa chị và bị đơn Nguyễn Văn H (Sau đây gọi anh H) qua tìm hiểu nhau, tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống sau khi sinh được một người con vào năm 1998 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng hay cãi vã nhau, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm 1998 đến nay. Chồng chị đã có gia đình khác. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh H.

-Về con chung: Có một người con chung nhưng đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu xem xét về quyền nuôi con.

-Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Văn H vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyễn Văn H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với đương sự này.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H tự nguyện tiến tới đời sống chung như vợ chồng vào năm 1997 nhưng không đămng ký kết hôn. Nên hôn nhân của anh, chị là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L: Trong thời gian chung sống giữa chị và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nhưng không có biện pháp để hòa giải đoàn tụ mà đã chọn cách sống ly thân, xét thời gian ly thân đã lâu thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện để hai người được đoàn tụ và tiến tới đăng ký kết hôn theo quy định nhưng anh H vắng mặt, chứng minh rằng anh H cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Tại phiên tòa, chị L xác định vợ chồng ly thân quá lâu nên không thể đoàn tụ và cương quyết xin ly hôn, từ đó thấy rằng hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, do hôn nhân giữa anh, chị không đăng ký kết hôn nên khi có yêu cầu ly hôn; Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình: Không công nhận chị L, anh H là quan hệ vợ chồng.

[5] Về con chung: Có một người con chung nhưng đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét về quyền nuôi con chung.

[6] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 14, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Nguyễn Thị Chúc L và Nguyễn Văn H.

2. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyễn Thị Chúc L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007274, ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
-UBND xã T, h.PH; t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.